TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/2/2019
V/v:" Xin ly hôn*"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Đồng Phước Tài

2/Ông Nguyễn Tấn Phong

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 234/2018/TLST-HNGĐ, ngày 7/12/2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/2/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Võ Thị CN, sinh năm: 1992 (có mặt)

Cư trú: Tổ 2, ấp 4, xã BHT, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

*Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1990 (có mặt)

Cư trú: Tổ 9, ấp HT, xã NVT, Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN THẤY:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 29/10/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Võ Thị CN trình bày: Vào năm 2016 tôi và anh Nguyễn Thanh N quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được gia đình đôi bên chấp nhận nên chúng tôi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NVT, huyện BT và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Nữ trang ngày cưới gồm: 1 lượng vàng 24k. hiện nay vẫn còn tôi còn đang giữ.

Sau ngày cưới chúng tôi sống chung tại tổ 9, ấp HT, xã NVT, huyện BT. Chúng tôi sống hạnh phúc được 2 năm, không có con chung.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi không tạo lập tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai. Chúng tôi đã hốt 2 chân hụi mỗi chân hụi 1 triệu đồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên cải nhau, bất đồng quan điểm, hay nói dối lừa gạt tôi đã hứa sữa đổi mà không cải thiện được, gia đình không hạnh phúc, hiện tại tôi không còn tình cảm với anh N và chúng tôi không

còn sống chung. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 2/10/2018 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

- Về con chung: Không

-Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Anh Nguyễn Thanh N là bị đơn không nộp bản khai trình bày ý kiến.

*Tại biên bản hòa giải ngày 8/01/2019 của anh Nguyễn Thanh N trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, nữ trang ngày cưới, tài sản chung và quá trình sống chung, có đăng ký kết hôn. Hiện nữ trang ngày cưới 1 lượng vàng 24k thì chị Nhung còn đang giữ. Về con chung thì không có. Về tài sản chung: trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nào khác, vợ chồng cũng không thiếu nợ ai. Về mâu thuẫn gia đình: tôi xác định là do tôi nói dối với vợ nhiều lần nên vợ tôi không còn tin tưởng. Tôi hứa sữa sai nhưng vợ không cho tôi cơ hội. vợ chồng ly thân từ ngày 2/10/2018 cho đến nay. Nay N xin ly hôn tôi không đồng ý, tôi còn thương N. Nếu Tòa án giải quyết cho N được ly hôn thì tôi yêu cầu: Về con chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Võ Thị CN trình bày: Do vợ chồng thường xuyên cải nhau, bất đồng quan điểm, anh N hay nói dối lừa gạt tôi và đã hứa sữa đổi mà không cải thiện được, gia đình không hạnh phúc, hiện tại tôi không còn tình cảm với anh và chúng tôi không còn sống chung. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 2/10/2018 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

- Về con chung: Không

-Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: tôi xác định là do tôi nói dối với vợ nhiều lần nên vợ tôi không còn tin tưởng. Tôi hứa sữa sai nhưng vợ không cho tôi cơ hội. vợ chồng ly thân từ ngày 2/10/2018 cho đến nay. Nay CN xin ly hôn tôi không đồng ý, tôi còn thương CN. Nếu Tòa án giải quyết cho CN được ly hôn thì tôi yêu cầu: Về con chung không có nên không yêu cầu. Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã NVT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016 chị Võ Thị CN và anh Nguyễn Thanh N kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, cha mẹ hai bên đồng ý. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, thường hay xảy ra bất hòa, cải vả với nhau, anh N thường hay nói dối chị CN, chị CN nhiều lần tha thứ nhưng anh N vẫn không sữa đổi. Chị CN đã nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không được từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị CN đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Chị CN xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị CN khởi kiện xin ly hôn anh N. Anh Nguyễn Thanh N cho rằng mâu thuẫn gia đình như chị CN trình bày là đúng, anh có nói dối CN nhiều lần và có hứa sữa đổi nhưng CN không cho anh cơ hội để sữa đổi. Nay CN xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương chị CN, anh yêu cầu đoàn tụ. Hiện tại chị CN và anh N đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay và mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh N. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhung.

[4]Xét về con chung: Chị Võ Thị CN và anh Nguyễn Thanh N sống chung với nhau không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị CN và anh N Tự thỏa thuận, chưa tranh chấp, chị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Chị Võ Thị CN nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Chị CN được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015213 ngày 4/12/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu. Vậy chị CN không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị CN.

- Chị Võ Thị CN được ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

2/Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/Về quan hệ tài sản: Chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Võ Thị CN nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Chị CN được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015213 ngày 4/12/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu. Vậy chị CN không phải nộp thêm.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Võ Thị CN và bị đơn anh Nguyễn Thanh N biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tựu

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- các đương sự;
- Lưu.